

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN S - TP- ĐÀ NẴNG

Bản án số: 114/2021/HSST

Ngày: 30/12/2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Kim Thành.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 96/2021/TLST - HS ngày 20 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Lê Văn K**, tên gọi khác: không; sinh năm 1978; tại Đà Nẵng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 15 phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Giới tính: nam; con ông: Lê Văn C (sinh năm: 1957) và bà Bùi Thị M (sinh năm: 1957); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con đầu; có vợ: Bùi Thị H và 01 con sinh năm 2005;

- Tiền án: ngày 25.11.2009 bị Tòa án nhân dân quận N xử phạt 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo Điều 138 BLHS năm 1999 (chưa được xóa án tích); tiền sự: không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: **Lê T**, tên gọi khác: T; sinh năm 1992; tại Đà Nẵng.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 37 phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: không biết chữ; Dân tộc: Kinh;

quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; Giới tính: nam; Con ông: Lê T1 (sinh năm: 1961) và bà Nguyễn Thị H (sinh năm: 1960); Gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 4;

- Tiền án: ngày 09.02.2015 bị Tòa án nhân dân quận N xử phạt 42 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo Điều 138 BLHS năm 1999 (chưa được xóa án tích); tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21.12.2021, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: ông Trần Văn C, sinh năm 1967, trú tại: số 60 V, tổ 91, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: bà Hồ Thị H, sinh năm 1967, trú tại: tổ 15 phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

* *Người bào chữa*:

- Luật sư Võ Văn Đ - là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng để bào chữa cho bị cáo Lê Văn K (có mặt).

- Luật sư Võ Văn T - là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Đà Nẵng tham gia tố tụng để bào chữa cho bị cáo Lê T (có mặt).

* *Người chứng kiến*: ông Trần Văn T, sinh năm 1964, trú tại: số 01 H, tổ 91 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08.01.2021, sau khi nhậu xong thì Lê Văn K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS 43H1-24788 (do bà Hồ Thị H – vợ Lê Văn K đứng tên chủ sở hữu) chở Lê T đi uống café. Khi đến trước quán tạp hóa “T” (địa chỉ số 60 V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng) do ông Trần Văn C làm chủ thì K chở T chạy lòng vòng trước tiệm tạp hóa nhiều lần. Sau đó K dừng xe phía trước nhà 62 V, còn T đi bộ vào quán tạp hóa để mua thuốc hút, quan sát thấy không có người nên T dùng tay bưng 02 thùng bia nhãn hiệu Tiger chạy ra khỏi tiệm tạp hóa thì bị ông C phát hiện tri hô và đuổi theo nên K và T vút lại xe mô tô và 02 thùng bia bỏ chạy.

Lời khai ban đầu vào ngày 08/01/2021 tại Công an phường T, Lê Văn K khai nhận hành vi trộm cắp 02 thùng bia Tiger cùng với Lê T như sau: “Khoảng 20 giờ 30

phút ngày 08/01/2021, tôi và T đi uống cà phê, trên đường đi thì thấy trước quầy tạp hóa số 60 V có để mấy thùng bia tiger nên tôi và T nảy sinh ý định trộm bia về nhậu tiếp nên quay xe lại, tôi dừng cách quán tạp hóa khoảng 10m còn T đi vào trộm 02 thùng bia thì chủ quán thấy đuổi theo và xô ngã xe nên tôi và T bỏ chạy vút xe lại”; “T là người nảy sinh ý định trộm bia và rủ tôi thực hiện”.

Tuy nhiên, sau đó tại Cơ quan điều tra Lê Văn K thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo khai sau khi nhậu xong, bị cáo chỉ chờ Lê T đi tìm quán cà phê để uống, khi đến tiệm tạp hóa “T” (số 60 V) K chờ T chạy lòng vòng trước tiệm tạp hóa nhiều lần nhưng không có mục đích gì, sau đó Lê T bảo bị cáo dừng lại cho T vào tiệm tạp hóa mua thuốc hút, còn bị cáo chạy lên phía trước nhà số 62 V đứng chờ. Khi nghe có tiếng người la lên: “Quố làng, ăn trộm” bị cáo quay lại thấy chủ tiệm tạp hóa đuổi theo Lê T, lúc đó bị cáo mới biết T lấy trộm bia; hai thùng bia thì đổ ngay phía trước tiệm tạp hóa còn Lê T thì bỏ chạy băng sang phía bên kia đường và chạy theo hướng đường N (đối diện tiệm tạp hóa).

Các lời khai của Lê T và tại Biên bản đối chất ngày 24/5/2021 tại các bút lục số: 121 - 135 T khai nhận: Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 08/01/2021, sau khi nhậu xong thì T và K đi uống cà phê. Khi đi ngang qua quán tạp hóa cô T trên đường V thì K phát hiện thấy quán tạp hóa T có nhiều bia để trước quán nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. K nói với T vào trong trộm cắp giúp K 02 thùng bia đem về bán lấy tiền tiêu tết nhưng T không đồng ý nên K chờ T chạy lòng vòng trước quán tạp hóa nhiều lần để quan sát. Trong lúc chạy thì K tiếp tục xúi giục T trộm bia nhưng T không đồng ý nên T xuống xe và nói với K để T đi bộ về. K bỏ đi, nhưng sau đó quay trở lại chờ T, K tiếp tục chờ T quay lại quán tạp hóa T và dừng trước số nhà 62 V, phường T, quận S rồi chỉ tay vào những thùng bia để trước quán và nhờ T trộm bia, T vẫn không đồng ý nên nói với K “Để em vô mua gói thuốc”. Khi vào quầy tạp hóa thì T không thấy chủ quán, K đứng ngoài liên tục bảo T lấy bia nên T lấy 02 thùng bia Tiger mang chạy ra chỗ K đang đứng. Khi T vừa mang bia ra thì ông Trần Văn C phát hiện nên tri hô “Ăn trộm, quố làng ăn trộm” nên T chạy về chỗ xe K đang dừng, vừa để bia lên xe K thì ông C đuổi kịp nên T vút bia vào lề đường, bên cạnh xe mô tô của K rồi bỏ chạy. Ông C giữ xe K lại thì K cũng vút xe bỏ chạy. Cả hai chạy cùng một hướng theo chiều của chiếc xe hướng về đường H. Lời khai của T phù hợp với lời khai của ông C thể hiện tại các bút lục số 26-33 và lời khai của ông Trần Văn T (tổ trưởng TDP 91, phường T) thể hiện tại bút lục số 34-35 về việc T có đặt bia lên xe của K và bia bị đổ ngay trước số nhà 62 V, bên cạnh xe mô tô của K, ông C cũng khẳng định cả hai bị cáo đều bỏ chạy cùng một hướng theo chiều của chiếc xe hướng về đường H.

Ngoài ra, Lê T còn khai khi cả hai bỏ chạy thì K có đề nghị Lê T không khai ra K vì K còn phải nuôi cha mẹ già đau ốm và sau khi T đến làm việc với cơ quan điều tra, K cũng tiếp tục điện thoại thậm chí có đến gặp T nhờ T nhận tội một mình, đừng khai ra K là đồng phạm (Bút lục số 135) nên lời khai ban đầu Lê T đã khai nhận T là người nảy sinh ý định trộm bia, sau này trong quá trình điều tra T đã thay đổi lời khai cho rằng chính K mới là người khởi xướng, rủ rê, xúi giục Lê T phạm tội nhưng K không thừa nhận.

Tang vật tạm giữ:

- 02 thùng bia Tiger, mỗi thùng 24 lon 330ml đã trả lại cho ông Trần Văn C.
- 01 xe mô tô Honda Airblade màu đỏ đen, BKS 43H1-24788, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Hồ Thị H.

Tại bản kết luận số 11/KL-HĐĐTSTTHS ngày 12.3.2021 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS quận S xác định: 02 thùng bia Tiger, mỗi thùng 24 lon 330ml có tổng giá trị là 610.000đồng.

Về phần dân sự: ông Trần Văn C đã nhận lại 02 thùng bia Tiger, mỗi thùng 24 lon 330ml, không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 23.7.2021, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Lê Văn K, Lê T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29.9.2021, bị cáo Lê T nhận tội và tiếp tục cho rằng K là người nảy sinh ý định trộm cắp bia đầu tiên và rủ rê, xúi giục Lê T cùng thực hiện. Còn Lê Văn K vẫn kiên quyết chối tội, không thừa nhận cùng thực hiện hành vi trộm cắp bia với Lê T và cũng không phải là người khởi xướng, rủ rê, xúi giục Lê T thực hiện hành vi trộm cắp như T thừa nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn K, Lê T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Luật sư Võ Văn Đ bào chữa bị cáo Lê Văn K cho rằng qua xét hỏi thì thấy các lời khai có sự mâu thuẫn nhau:

K khai sau khi nghe tri hô, tôi quay lại thì thấy hai thùng bia đổ trước quán, còn trước đó thì tôi không biết; Cáo trạng thì nhận định T bung bia để lên xe nhưng anh C tại phiên tòa thì khai không thấy rõ T đã đặt bia lên xe chưa; bản thân K trong suốt quá trình xét hỏi tại phiên tòa vẫn không thừa nhận có tham gia trộm cắp với T, không rủ rê, xúi giục T lấy bia; Viện kiểm sát chỉ căn cứ duy nhất vào một lời khai ban đầu của bị cáo Lê Văn K tại Công an phường T để buộc tội bị cáo K là không vững chắc. Do đó, Luật sư đề nghị HĐXX áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội được

quy định tại Điều 13 BLHS tuyên bố bị cáo Lê Văn K không phạm tội trộm cắp tài sản.

* Luật sư Võ Văn T thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản truy tố cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Lê T. Tuy nhiên, Luật sư T đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo Lê T ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định quá trình điều tra vụ án còn thiếu chứng cứ để chứng minh bị cáo Lê Văn K có hành vi phạm tội, rủ rê, xúi giục bị cáo Lê T trộm cắp tài sản nên đã trả hồ sơ điều tra bổ sung các nội dung sau:

- Điều tra, thu thập bổ sung chứng cứ làm rõ bị cáo Lê Văn K có hành vi phạm tội, chủ mưu rủ rê, xúi giục bị cáo Lê T trộm cắp tài sản; trích xuất camera giao thông đường V và khu vực tiệm tạp hóa “T”, kể cả camera của tiệm tạp hóa “T” và các hộ lân cận để xác định lời khai của các bị cáo có phù hợp với thực tế khách quan của vụ án hay không.

- Thực nghiệm hiện trường vụ án để làm rõ mâu thuẫn trong lời khai của bị cáo Lê Văn K với lời khai của bị cáo Lê T và lời khai người bị hại cũng như lời khai của người chứng kiến.

- Xác minh, sao kê lịch sử cuộc gọi giữa số điện thoại 0932541746 của bị cáo Lê Văn K liên lạc với số điện thoại 0905676501 của bị cáo Lê T trong khoảng thời gian từ ngày 08.01.2021 đến hết ngày 31.01.2021 để làm rõ có hay không việc Lê Văn K liên lạc yêu cầu Lê T không khai ra hành vi Lê Văn K xúi giục, rủ rê Lê T trộm cắp tài sản.

Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát đã tiến hành xác minh, xác định vào thời điểm ngày 08.01.2021 tại khu vực nhà số 60 V, phường T, quận S không có hộ dân lân cận nào bắt camera ghi nhận lại sự việc; trên đường V cũng không có camera giám sát an toàn giao thông và an ninh trật tự; lấy lời khai ông C xác định tại thời điểm ngày 08.01.2021 tiệm tạp hóa của ông C chỉ có camera trong nhà, không chiếu tới chỗ để bia phía trước tiệm, sau khi xảy ra sự việc trên ông C mới bắt đầu lắp đặt camera giám sát phía trước nhà. Các nội dung khác Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không thực hiện và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 23.7.2021.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố luận tội đối với các bị cáo, vẫn tiếp tục giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 23.7.2021 đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Lê Văn K từ 06 - 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt Lê T từ 6 - 09 tháng tù;

- Về phần dân sự: ông Trần Văn C đã nhận lại 02 thùng bia Tiger, mỗi thùng 24 lon 330ml, không có yêu cầu bồi thường gì.

- Đối với xe mô tô Honda Airblade màu đỏ đen, BKS 43H1-24788 đứng tên chủ sở hữu là bà Hồ Thị H ; bà H không biết việc Lê Văn K lấy xe đi và thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Hồ Thị H là phù hợp.

* Luật sư Võ Văn Đ bào chữa cho bị cáo Lê Văn K cho rằng qua xét hỏi tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi cùng với Lê T lén lút chiếm đoạt hai thùng bia của hiệu Tiger của ông Trần Văn C nhưng không thừa nhận là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Lê T phạm tội. Do đó, Luật sư cho rằng bị cáo Lê Văn K không phải là người khởi xướng, rủ rê, luật sư đề nghị HĐXX xem xét thêm các chứng cứ khác để xác định vai trò của bị cáo K trong vụ án cho chính xác; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo là lao động chính đang nuôi cha mẹ già yếu, ốm đau, bệnh tật nên cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm sóc cha mẹ đang ốm đau.

* Luật sư Võ Văn T bào chữa cho bị cáo Lê T thống nhất với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản truy tố cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Lê T. Tuy nhiên, Luật sư Thiết cũng cho rằng bị Lê T có trình độ học vấn thấp, không biết chữ, nhận thức hạn chế, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo Lê T ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời nói sau cùng:

Các bị cáo Lê Văn K , Lê T đều nhận thấy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái, các bị cáo đã biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ban đầu bị cáo Lê Văn K không thừa nhận hành vi lén lút chiếm đoạt bia cùng với bị cáo Lê T nhưng bị cáo đã thừa nhận lời khai vào ngày 08/01/2021 tại Công an phường T là do bị cáo tự khai ra, không bị ai ép buộc, không bị dùng nhục hình; qua xét hỏi bị cáo đã thừa nhận cùng với Lê T lén lút chiếm đoạt bia cùng với Lê T. Lời khai này của bị cáo K phù hợp với lời khai ban đầu vào ngày 08/01/2021 của bị cáo Lê T tại Công an phường T và trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa. Bị cáo Lê T đã thừa nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt bia cùng với bị cáo K. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của người chứng kiến, cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08.01.2021, tại quán tạp hóa Thu, số nhà 60 V, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng, các bị cáo Lê T và Lê Văn K đều đã có 01 tiền án về tội “trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 02 thùng bia nhãn hiệu Tiger có tổng giá trị 610.000 đồng của anh Trần Văn C nhằm bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Tuy các bị cáo đều cùng thực hiện một tội phạm nhưng các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, không có sự câu kết chặt chẽ về mặt tổ chức... nên hành vi của các bị cáo chỉ là hành vi đồng phạm giản đơn.

Do đó, Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 23.7.2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng truy tố các bị cáo Lê T và Lê Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy: Lời khai ban đầu bị cáo Lê T thừa nhận bị cáo là người nảy sinh ý định trộm bia trước nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai, cho rằng bị cáo K có đề nghị Lê T không khai ra K vì K còn phải nuôi cha mẹ già đau ốm và sau khi T đến làm việc với cơ quan điều tra, K cũng tiếp tục điện thoại thậm chí có đến gặp T nhờ T nhận tội một mình, đừng khai ra K là đồng phạm. Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo K không thừa nhận là người khởi xướng, rủ rê Lê T phạm tội; ngoài lời khai nhận trên của bị cáo Lê T, Cơ quan điều tra cũng không thu thập được chứng cứ gì chứng minh bị cáo Lê Văn K là

người khởi xướng, rủ rê bị cáo Lê T phạm tội. Do đó, Viện kiểm sát cho rằng bị cáo Lê Văn K là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Lê T phạm tội là chưa chính xác mà cần xác định các bị cáo Lê Văn K và Lê T có vai trò ngang nhau, sau khi uống rượu đã cùng rủ nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Lê T là người trực tiếp vào lấy bia còn Lê Văn K là người chở đi và đứng chờ Lê T để cùng nhau tẩu thoát. Xét thấy ý kiến bào chữa của vị Luật sư cho rằng bị cáo Lê Văn K không có vai trò khởi xướng, rủ rê là có cơ sở.

Do đó, cần phải xét xử các bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi và vai trò của các bị cáo mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo Lê T, trong quá trình tố tụng đã nhiều lần vi phạm Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, tự ý đi khỏi nơi cư trú mà không báo cáo với cơ quan giám sát, gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng nên phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt. Vì vậy HĐXX không có cơ sở chấp nhận đề nghị của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo Lê T về việc xét xử bị cáo mức án khởi điểm của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố.

Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn rõ ràng, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê T khi lượng hình.

Đối với bị cáo Lê Văn K, mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ban đầu bị cáo còn khai báo quanh co nhưng qua xét hỏi bị cáo đã khai nhận hành vi cùng bị cáo Lê T lén lút chiếm đoạt tài sản và có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang là lao động chính và trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ già yếu, ốm đau; nên cần áp dụng điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Lê Văn K. Xét thấy bị cáo Lê Văn K có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành nghiêm Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của các cơ quan tiến hành tố tụng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đảm bảo cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

Do bị cáo Lê Văn K thu nhập không ổn định nên không có cơ sở để khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Xét ý kiến bào chữa đề nghị giảm nhẹ hình phạt của Luật sư Võ Văn Đ đối với bị Lê Văn K là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

* Về trách nhiệm bồi thường dân sự: ông Trần Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình điều tra ông thừa nhận đã nhận lại 02 thùng bia Tiger, mỗi thùng 24 lon 330ml, không có yêu cầu bồi thường gì nên HĐXX không đề cập giải quyết.

* Đối với xe mô tô Honda Airblade màu đỏ đen, BKS 43H1-24788 đứng tên chủ sở hữu là bà Hồ Thị H; bà H không biết việc Lê Văn K lấy xe đi và thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Hồ Thị H là phù hợp.

* Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn K và Lê T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1/ Áp dụng điểm b khoản 1 điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn K 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng để quản lý, giám sát và giáo dục.

- Áp dụng điểm b khoản 1 điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê T 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt, tạm giam (ngày 21.12.2021)

2/ Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ.

Án xử công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại là ông Trần Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân quận.S;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận S;
- Công an quận S;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Phước Hòa

